

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT - BENZENE

PHẦN 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên thương mại	: Benzene
Tên khác	: Hydrocarbon thơm, benzol
Mục đích sử dụng	: Nguyên liệu cho công nghiệp hóa dầu
Số CAS	: 71-43-2
Số UN	: 1114
Số đăng ký EC	: 200-753-7

1.2 Số điện thoại khẩn cấp : Tại NSRP: 02378738541/ Số máy nhánh: 6700 hoặc 6701

1.3 Tên nhà sản xuất và địa chỉ : Công ty TNHH Lộc Hóa dầu Nghi Sơn
Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Hải Yến, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
Số điện thoại: +84(0) 237 8738 540; Số fax: +84(0) 237 8738 542
Web: <https://nsrp.vn>

PHẦN 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1.1 Phân loại theo hệ thống GHS:

Chất lỏng dễ cháy	: Cấp 2
Độc tính cấp tính theo đường miệng	: Cấp 4
Nguy hại hô hấp	: Cấp 1
Ăn mòn/ kích ứng da	: Cấp 2
Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt	: Cấp 2A
Gây đột biến tế bào mầm	: Cấp 1A, 1B
Gây ung thư	: Cấp 1A, 1B
Độc tính sinh sản	: Cấp 2
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại	: Cấp 1
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	: Cấp 1
Độc hại lâu dài đến môi trường thủy sinh	: Cấp 3

1.2 Hình đồ cảnh báo:



1.3 Từ cảnh báo: Nguy hiểm

1.4 Thông báo nguy hại

H225	: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
H302	: Có hại nếu nuốt phải
H304	: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc hóa chất xâm nhập vào đường hô hấp
H315	: Gây kích ứng da
H319	: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H340	: Có thể gây các dị tật di truyền
H350	: Có thể gây ung thư

- H361 : Nghi ngờ gây hại cho khả năng sinh sản hoặc thai nhi
H372 : Gây tổn thương đến các cơ quan nội tạng nếu tiếp xúc trong thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại
H370 : Gây tổn hại đến các cơ quan nội tạng
H412 : Độc đối với môi trường thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài

1.5 Thông báo phòng ngừa

- P203 : Tiếp nhận, đọc và làm theo hướng dẫn an toàn trước khi sử dụng
P210 : Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn sinh nhiệt khác. Không hút thuốc
P233 : Giữ thùng hóa chất luôn đậy kín
P240 : Có thiết bị tiếp đất nối với các thùng chứa hóa chất
P241 : Sử dụng các thiết bị chống cháy nổ như thông hơi, phát sáng, chống tia lửa điện
P242 : Chỉ sử dụng những dụng cụ chống tia lửa điện
P243 : Thực hiện các biện pháp phòng chống phóng tĩnh điện
P260 : Không hít hơi, bụi, hơi phun của hóa chất
P264 : Rửa sạch tay sau khi xử lý hóa chất
P270 : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
P280 : Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ như kính bảo hộ/ quần áo bảo hộ/ kính che toàn mặt nếu cần/ găng tay bảo hộ/ giày bảo hộ đầy đủ
P265 : Không được để tiếp xúc với mắt
P273 : Tránh phát thải ra ngoài môi trường

1.6 Biện pháp ứng biến sự cố

- P303+P361+P353 : Nếu tiếp xúc với da (hoặc tóc): cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn, rửa sạch vùng da bị nhiễm hóa chất với nhiều nước (hoặc tắm)
P362+P364 : Cởi bỏ quần áo bị bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại
P370+P378 : Trong trường hợp có cháy: Sử dụng các phương án cứu hỏa
P301+P316 : Nếu nuốt phải: Ngay lập tức tìm kiếm sự giúp đỡ từ y tế
P330 : Rửa miệng thật sạch
P331 : Không thực hiện gây nôn
P305+P354+P338 : Nếu tiếp xúc mắt: Ngay lập tức rửa sạch với nhiều nước trong vài phút. Loại bỏ len mắt nếu có và có thể dễ dàng thực hiện. Tiếp tục rửa sạch
P337+P317 : Nếu kích ứng mắt vẫn còn: Tìm kiếm sự giúp đỡ từ y tế
P302+P352 : Nếu tiếp xúc với da: Rửa sạch với rất nhiều nước
P308+P316 : Nếu bị phơi nhiễm hoặc lo ngại: Tìm kiếm sự giúp đỡ từ y tế ngay lập tức
P332+P317 : Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm sự giúp đỡ từ y tế
P319 : Tìm kiếm sự giúp đỡ từ y tế nếu bạn cảm thấy không ổn

1.7 Lưu trữ

- P403+P235 : Lưu trữ trong không gian thoáng hơi. Lưu trữ ở kho lạnh
P405 : Khóa kho cẩn thận

1.8 Thải bỏ

- P501 : Việc thải bỏ phải tuân thủ theo những quy định về thải bỏ chất thải của địa phương, quốc gia, quốc tế

PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng
Benzene	71-43-2	≥ 99.96 (% khối lượng)
Hỗn hợp chất không phải chất thơm	-	≤ 0.04 (% khối lượng)
Lưu huỳnh	7704-34-9	≤ 0.2 (ppm)

PHẦN 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

Tiếp xúc với mắt	: Ngay lập tức rửa sạch với nhiều nước trong vài phút. Loại bỏ len mắt nếu có và có thể dễ dàng thực hiện. Tiếp tục rửa sạch. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế
Tiếp xúc với da	: Tháo bỏ giày dép và quần áo. Sử dụng nước và xà phòng rửa sạch vùng da bị nhiễm hóa chất Benzene. Sau khi sơ cứu cần có bộ phận chuyên môn y tế khám, xử lý, tư vấn. Giặt sạch quần áo và giày nhiễm hóa chất trước khi sử dụng lại
Tiếp xúc với đường hô hấp	: Di chuyển nạn nhân đến nơi an toàn, thoáng khí và để nạn nhân nằm nghỉ ngơi ở vị trí dễ hô hấp. Nới lỏng cổ áo, cà vạt hoặc dây thắt lưng để nạn nhân dễ thở. Nếu nạn nhân ngừng thở, hoặc thở ngáp cần phải thực hiện Hồi sinh tim phổi (CPR) ngay lập tức (được thực hiện bởi nhân viên đã được đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu) và yêu cầu sự trợ giúp khẩn cấp của lực lượng y tế
Tiếp xúc theo đường tiêu hóa	: Rửa sạch miệng cho nạn nhân. Tuyệt đối không được khuyến khích, trợ giúp nạn nhân nôn mửa vì có thể gây biến chứng phổi trừ khi được sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu nôn mửa xảy ra tự nhiên cần giữ đầu của nạn nhân ở vị trí thấp để chất nôn không tràn vào phổi. Súc miệng bằng nước. Không được cho nạn nhân nuốt bất cứ thứ gì khi đã bất tỉnh. Nhanh chóng yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế
Chú ý	: Người trợ giúp có thể gặp nguy hiểm khi tiến hành hô hấp nhân tạo. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế

PHẦN 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các chất độc tạo ra khi cháy	: Khí CO
Phương tiện chữa cháy thích hợp	: CO ₂ , hóa chất khô, dung dịch bọt chữa cháy. Có thể sử dụng dòng nước dạng chùm tia nhỏ để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa
Phương tiện chữa cháy không phù hợp	: Không sử dụng dòng nước đặc có thể làm phân tán và cháy lan
Mối nguy có thể xảy ra khi chữa cháy	: Hơi benzene nặng hơn không khí, lan rộng dưới mặt đất và có thể bắt cháy với các nguồn gây cháy ở khoảng cách xa
Phương tiện trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	: Mang đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp như mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ, găng tay, ủng bảo hộ chịu nhiệt và mặt nạ phòng độc hoặc bình dưỡng khí SCBA

PHẦN 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Cô lập khu vực xảy ra sự cố. Sơ tán những nhân viên không phận sự. Thông báo cho đội ứng phó tình huống khẩn cấp hoặc nhân viên phòng cháy chữa cháy. Kiểm tra nồng độ khí cháy nổ ở khu vực xung quanh
---	---

- Cảnh báo về môi trường** : Tránh để hóa chất tiếp xúc với đất, đường thủy và cống rãnh. Thông báo cho các cơ quan chức năng liên quan nếu sản phẩm gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, đường thủy, đất hoặc không khí).
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố** : Dùng rò rỉ nếu không nguy hiểm. Sử dụng các dụng cụ chống tia lửa và thiết bị chống cháy nổ. Tiếp cận nơi xảy ra sự cố từ cuối hướng gió. Hốt và thu gom hóa chất tràn đổ bằng vật liệu không cháy, thấm hút và cho vào thùng chứa để xử lý theo quy định của địa phương (xem phần 13).
Vật liệu thấm hút bị nhiễm bẩn có thể gây ra mối nguy hiểm tương tự với hóa chất bị tràn đổ

PHẦN 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** : Tránh để ngoài sáng. Tránh hít phải hơi hay sương. Tránh nguồn cháy nổ - không hút thuốc. Đo kiểm tra để tránh tích tụ nguồn tĩnh điện. Không được ném thử hoặc nuốt - Nghiêm cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực sử dụng, cất giữ và sản xuất hóa chất. Sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tiếp xúc với hóa chất. Rửa tay và vệ sinh sạch sẽ sau khi làm việc. Tránh thải hóa chất ra môi trường
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** : Bảo quản và sử dụng hoá chất tại khu vực tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa hay ngọn lửa. Thiết bị chứa phải được đóng kín nắp, bảo quản tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, dán nhãn rõ ràng, không được gỡ bỏ nhãn trên thiết bị chứa. Các thiết bị chứa đã mở phải được đóng lại cẩn thận và dựng đứng để tránh bị rò rỉ. Thiết bị chứa rỗng hoặc chứa một phần hóa chất có thể chứa hơi/khí dễ cháy nổ. Tránh các tác động vật lý lên bồn, thùng chứa. Không được hàn, cắt, khoan, mài hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên thiết bị chứa hoặc gần khu vực lưu chứa sản phẩm. Sử dụng các thiết bị chứa đảm bảo an toàn. Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động. Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn của Nhà nước về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, phòng chống tràn đổ, rò rỉ trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành, khai thác sản phẩm. Phải trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy theo quy định của Nhà nước trong quá trình vận chuyển, tồn chứa, xuất nhập Benzene

PHẦN 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1 Các thông số kiểm soát

Tiêu chuẩn	Thông số kiểm soát	Giá trị
ACGIH	TWA	0.5 ppm (1.6mg/ m ³)
ACGIH	STEL	2.5 ppm (8mg/ m ³)
OSHA	TWA	1 ppm
OSHA	STEL	5 ppm
QĐ3733/2002/QĐ-BYT	TWA	5 mg/m ³
QĐ3733/2002/QĐ-BYT	STEL	15 mg/m ³

8.2 Phương tiện bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt : Sử dụng kính bảo hộ phù hợp với đánh giá rủi ro



- Bảo vệ tay** : Phải luôn đeo găng tay chống hóa chất, không thấm nước tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt khi xử lý các sản phẩm hóa chất nếu việc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Kiểm tra trong quá trình sử dụng xem găng tay có còn giữ được đặc tính bảo vệ hay không
- Bảo vệ thân thể** : Thiết bị bảo vệ cá nhân cho cơ thể nên được lựa chọn dựa trên công việc và các rủi ro liên quan
- Bảo vệ hô hấp** : Chọn mặt nạ phù hợp dựa trên mối nguy và khả năng phơi nhiễm. Mặt nạ cần đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Đảm bảo sử dụng mặt nạ đúng cách

PHẦN 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	: Lỏng
Điểm sôi (°C)	: 80,1
Màu sắc	: Không màu
Điểm đóng rắn / Điểm nóng chảy (°C)	: ≤ 5,39
Mùi	: Đặc trưng
Điểm chớp cháy (°C)	: -11
Áp suất hơi (ở 20°C) (mmHg)	: Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy	: Không có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí =1)	: Không có thông tin
Giới hạn nồng độ nổ dưới	: 1.2%
Giới hạn nồng độ nổ trên	: 8%
Độ hòa tan trong nước	: Không có thông tin
Độ pH	: Không có thông tin
Tỷ trọng (15,56°C/ 15,56°C)	: 0,882-0,886
Hệ số phân lớp Log Kow	: Không có thông tin
Chỉ số Br (mg/ 100g)	: ≤ 20
Độ nhớt động học (mm ² /s)	: Không có thông tin
Ngưỡng gây mùi	: Không có thông tin
Khoảng màu (Pt-Co)	: ≤ 20
Tính dễ cháy	: Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	: Không có thông tin

PHẦN 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phân ứng	: Dạng hơi có khả năng tạo hỗn hợp nổ với không khí
Các chất không tương thích	: Axit, bazơ, các halogen, chất oxy hóa mạnh, muối kim loại
Tính ổn định	: Sản phẩm này có tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ, áp suất thường và điều kiện sử dụng đã được khuyến cáo
Phản ứng nguy hiểm	: Ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh Khi cháy sinh ra khí độc CO
Phản ứng phân hủy và sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Chưa có thông tin

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Ngộ độc cấp tính: đường miệng	: LD50: >2000 mg/kg
-------------------------------	---------------------

Ngộ độc cấp tính: đường thờ	: Động vật: Chuột trưởng thành : LC50 4h: > 20 mg/L air
Ngộ độc cấp tính: đường tiếp xúc qua da	: Động vật: Chuột cái : LD50 > 5000 mg/kg bw : Động vật: Chuột
Ảnh hưởng mãn tính với người	: Chất sinh ung thư: nghiên cứu trên người (đường thờ) – ung thư, máu trắng (tổ chức RTECS). Nghiên cứu gen trong ống nghiệm: tế bào bạch huyết của người – Đổi giữa nhiễm sắc thể chị em.
Ảnh hưởng độc khác	: Chất sinh ung thư: nghiên cứu trên chuột (vòm họng) – ung thư tuyến nội tiết, máu trắng. Nghiên cứu gen trong ống nghiệm: tế bào bạch huyết của chuột – đột biến trên tế bào xôma.

PHẦN 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1.1 Độc đối với sinh vật

Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Cá nước ngọt <i>Oncorhynchus mykiss</i>	96h	LD50 5.3 mg/L
Động vật nước ngọt không xương sống <i>Daphnia magna</i>	48h	EC50 10mg/L
Tảo nước ngọt	72h	EC50 100mg/L

1.2 Mức độ phân hủy sinh học : Dễ dàng

1.3 Khả năng tích lũy sinh học : Không có thông tin

1.4 Độ linh động trong đất : Không có thông tin

PHẦN 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Thông tin quy định tiêu hủy	: Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về môi trường của địa phương Luật pháp nước sở tại
Xếp loại nguy hiểm của chất thải	: Tại Việt Nam không có thông tin được phân định là chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tính chất nguy hại chính: cháy, độc, độc cho hệ sinh thái
Biện pháp tiêu hủy	: Việc thải bỏ tuân thủ theo các quy định pháp luật liên quan của nước sở tại Hóa chất và thùng chứa nên được thu hồi hoặc tái chế. Chất thải phải được chuyển giao cho đơn vị xử lý chất thải được cấp phép. Không đổ chất thải trực tiếp vào đất, nước. Thiêu đốt chỉ áp dụng nếu không có biện pháp tái chế khả thi

PHẦN 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

14.1 Quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Việt Nam:

Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa:

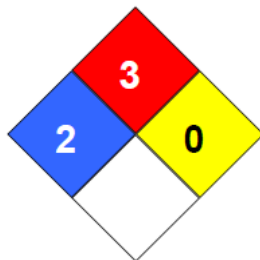
Tên hàng hóa:	Benzene
Số UN:	1114
Loại nhóm hàng:	3
Số hiệu nguy hiểm	33

PHẦN 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

15.1 Quy định pháp luật Việt Nam

Luật số 06/2007/QH12	: Luật hóa chất
Luật số 40/2013/QH13	: Luật phòng cháy chữa cháy
Luật số 72/2020/QH14	: Luật bảo vệ môi trường
Luật số 45/2019/QH14	: Luật lao động
Nghị định 113/2017/NĐ-CP	: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
Nghị định 82/2022/NĐ-CP	: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 113/2017/NĐ-CP
Nghị định 17/2020/NĐ-CP	: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương
Thông tư 32/2017/TT-BCT	: Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
Thông tư số 17/2022/TT-BCT	: Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT
TCVN 5507:2002	: Hóa chất nguy hiểm – Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển
Thông tư 48/2020/TT-BCT	: Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm
Nghị định số 42/2020/NĐ-CP	: Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa

PHẦN 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC



Mức nguy hại sức khỏe: 2

Mức độ khả năng cháy: 3

Mức độ khả năng phản ứng: 0

Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia Hoa Kỳ NFPA

Key to abbreviations:

- TWA : Giới hạn tiếp xúc ca làm việc là giá trị nồng độ của một chất trong không khí môi trường lao động, tính trung bình theo thời lượng tiếp xúc 8 giờ/ca, 40 giờ/tuần làm việc mà không được phép để người lao động tiếp xúc vượt quá ngưỡng này
- STEL : Giới hạn tiếp xúc ngắn là giá trị nồng độ của một chất trong không khí môi trường lao động, tính trung bình theo thời lượng 15 phút, mà không được phép để người lao động tiếp xúc vượt quá ngưỡng này. Nếu nồng độ chất trong môi trường lao động nằm trong khoảng giữa mức giới hạn TWA và STEL, không được phép để người lao động tiếp xúc quá 15 phút mỗi lần và không nhiều hơn 4 lần trong ca làm việc với khoảng cách giữa các lần phải trên 60 phút

Tuyên bố trách nhiệm

Thông tin trình bày trong tài liệu này được tổng hợp từ các nguồn được coi là đáng tin cậy và chính xác theo mức độ hiểu biết và tin cậy nhất mà chúng tôi có. NSRP không đảm bảo (thể hiện hoặc ngụ ý) ngoại trừ những thông tin có thể yêu cầu bởi pháp luật. Thông tin được cung cấp tại thời điểm ban hành tài liệu này chỉ liên quan đến sức khỏe, an toàn và các mối nguy môi trường để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, sử dụng, vận chuyển sản phẩm an toàn tại nơi làm việc và không thay thế cho bất kỳ đặc điểm chất lượng sản phẩm nào. Thông tin và các khuyến nghị được đề cập ở đây chỉ áp dụng khi sản phẩm được sử dụng đúng với mục đích được công bố. Người dùng hoặc tiếp nhận có trách nhiệm tự đảm bảo sản phẩm được sử dụng phù hợp với mục đích và không nên sử dụng sản phẩm với mục đích khác mà không tham khảo ý kiến từ NSRP. Bạn có thể liên hệ NSRP để đảm bảo rằng tài liệu này là phiên bản mới nhất sẵn có từ NSRP. Việc sửa đổi hoặc sao chép toàn bộ hoặc một phần tài liệu này là không hợp lệ ngoại trừ trong phạm vi luật pháp yêu cầu.